| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, tài sản chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dẫm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Thái Trân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Huỳnh Anh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 521/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thảo Q, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Khóm T, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Chí L, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Ấp L, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Ngọc T, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp L, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 02/12/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh L tự tìm hiểu quen biết nhau trước và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số

56/2022, ngày 15/4/2022 do Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Thảo Q và Huỳnh Chí L).

Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ở Bình Dương khoảng ½ tháng thì về thành phố Hồ Chí Minh làm đến khoảng tháng 10/2022 và sau đó về sinh sống tại nhà cha, mẹ chồng được đến tháng 12/2022 thì chị Q về nhà cha, mẹ ruột chị Q sinh sống cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu, chị Q khuyên can nhiều lần nhưng không bỏ rượu, mặt khác việc làm của chị Q như thế nào cũng bị anh L báo với cha, mẹ chồng chứ không phải vợ, chồng bàn bạc sửa sai những khuyết điểm với nhau, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác.

Trong khoảng thời gian không còn sống chung thì cha, mẹ gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị Q xin ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung*: chị Q và anh L có 01 (một) lượng vàng 24K được bán với giá 50.800.000 đồng. Hiện anh L đang giữ số tiền trên. Nay chị Q yêu cầu anh L chia đôi cho chị Q số tiền là 25.400.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, chị Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà Dương Ngọc T (mẹ ruột anh L) trả lại số tiền 50.800.000 đồng cho chị Q và anh L.

- Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Huỳnh Chí L trình bày và có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày trên của chị Q về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và thời gian không còn chung sống nhau như lời trình bày trên của Q.

Kể từ khi kết hôn nhau vợ, chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống nhau cho đến nay, anh L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không nghiêm trọng, hàn gắn chung sống nhau được, do chị Q cương quyết yêu cầu ly hôn với anh L, nay anh L đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Anh L xác định có giữ số tài sản chung trị giá 50.800.000 đồng, anh L đã sử dụng vào việc mua phụ tùng máy móc, thiết bị để sử dụng trong việc sửa xe mô tô, nay chị Q yêu cầu chia số tiền 50.800.000 đồng thì anh L đồng ý chia cho chị Q 25.400.000 đồng. Do số tiền trên anh L sử dụng vào việc mua sắm trang thiết bị để sửa xe nên không có tiền trả ngay cho Q, anh L xin trả cho chị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 25.400.000 đồng, thời gian trả lần đầu vào ngày 28/4/2023.

Về nợ chung: Không có.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Ngọc T trình bày:

Về tài sản chung của Q và L, bà T xác định là không có giữ số tiền và vàng gì của vợ chồng Q và L, bà T cũng không tranh chấp và yêu cầu độc lập gì trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Nguyễn Thị Thảo Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Huỳnh Chí L vẫn giữ nguyên ý kiến, bà Dương Ngọc T không có ý kiến.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

*Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 73, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh L phát sinh mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu, chị Q khuyên can nhiều lần nhưng không bỏ rượu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nghiêm trọng, không thể hàn gắn chung sống nhau được, nay chị Q cương quyết ly hôn thì anh L đồng ý ly hôn với chị Q. Đề nghị HĐXX cho chị Q ly hôn với anh L.

- Về nuôi con chung: Không có.

- Về tài sản chung: chị Q và anh L có tài sản chung 50.800.000 đồng hiện anh L đang giữ. Chị linh yêu cầu anh L chia chị Linh 25.400.000 đồng. Anh L đồng ý chia số tài sản chung trên cho chị Q nhưng xin hẹn mỗi tháng trả chị Q 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên nhưng chị Q không đồng ý và yêu cầu anh L chia số tài sản chung trên ngay một lần dứt.

Do chị Q và anh L không thỏa thuận được mức thời gian anh L chia tài sản chung cho chị Q, đề nghị HĐXX buộc anh L có trách nhiệm chia số tài sản chung cho chị Linh là 25.400.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thảo Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Chí L, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh L tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại thời điểm kết hôn chị Q và anh L đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị Q và anh L chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. chị Q và anh L đã không còn chung sống từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh L; anh L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn không nghiêm trọng, hàn gắn chung sống lại nhau nhưng chị Q cương quyết ly hôn nên anh L đồng ý ly hôn chị Linh. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Q được ly hôn với anh L.

[3] Về nuôi con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: chị Q và anh L thống nhất số tài sản chung là 50.800.000 đồng hiện anh L đang giữ, chị Q yêu cầu anh L chia số tài sản chung cho chị Q là 25.400.000 đồng và yêu cầu anh L trả ngay một lần; anh L đồng ý chia số tài sản chung trên cho chị Linh mỗi người ½, do điều kiện anh L chưa có tiền trả ngay cho chị Q và xin hẹn trả cho chị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền chia tài sản chung là 25.400.000 đồng, thời gian trả số tiền lần đầu kể từ ngày 28/4/2023 do chị Q không đồng ý yêu cầu trả dần số tiền trên, nên HĐXX buộc anh L có trách nhiệm chia số tài sản chung 25.400.000 đồng ngay một lần cho chị Q.

Trong quá trình tố tụng, chị Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà Dương Ngọc T trả lại số tiền 50.800.000 đồng cho chị Q và anh L; Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Q về việc yêu cầu bà T trả lại số tiền 50.800.000 đồng cho chị Q và anh L.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự chia tài sản chung của số tiền 25.400.000 đồng X 5% bằng 1.270.000 đồng, cộng 1.570.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 935.000, chị Q còn phải nộp thêm 635.000 đồng; anh Huỳnh Chí L phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung đối với số tiền chia tài sản chung 25.400.000 đồng X 5% bằng 1.270.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp 635.000 đồng, anh L còn phải nộp thêm 635.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo Q.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thảo Q và anh Huỳnh Chí L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2022, ngày 15/4/2022 do Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Thảo Q và Huỳnh Chí L không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Không có.

3. *Về tài sản chung:*

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo Q yêu cầu bà Dương Ngọc T trả số tiền 50.800.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thảo Q và anh Huỳnh Chí L.

Tiền Việt Nam 50.800.000 đồng (anh Huỳnh Chí L đang giữ) là tài sản chung của anh Huỳnh Chí L và chị Nguyễn Thị Thảo Q trong thời kỳ hôn nhân. Chia cho anh Huỳnh Chí L số tiền là 25.400.000 (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Chia cho chị Nguyễn Thị Thảo Q 25.400.000 (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Buộc anh Huỳnh Chí L phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thảo Q 25.400.000 (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

4. *Về nợ chung: Không có.*

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Thảo Q phải chịu 300.000 đồng tiền án hôn nhân sơ thẩm và 1.270.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cộng 1.570.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 935.000 theo biên lai thu số 0007261 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, số còn lại chị Nguyễn Thị Thảo Q còn phải nộp thêm 635.000 (sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Huỳnh Chí L chịu án phí dân sự sơ thẩm 1270.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 635.000 đồng theo biên lai thu số 0007355 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, số còn lại anh Huỳnh Chí L còn phải nộp thêm 635.000 (sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dẫm**